

REVIEW 4 (UNITS 10-11-12)

LANGUAGE

Pronunciation

Task 1. Circle the word with the different underlined sound. Listen, check and repeat the words. (Khoanh tròn vào từ với âm gạch chân khác loại. Nghe, kiểm tra và lặp lại các từ.)

- | | | | |
|---------------------|------------------|---------------------|---------------------|
| 1. A. <u>calm</u> | B. <u>hand</u> | C. <u>plastic</u> | D. <u>cat</u> |
| 2. A. <u>town</u> | B. <u>cow</u> | C. <u>snow</u> | D. <u>how</u> |
| 3. A. <u>hat</u> | B. <u>many</u> | C. <u>bad</u> | D. <u>apple</u> |
| 4. A. <u>bought</u> | B. <u>cought</u> | C. <u>sound</u> | D. <u>mouth</u> |
| 5. A. <u>banana</u> | B. <u>camera</u> | C. <u>fantastic</u> | D. <u>passenger</u> |

*** Suggested answer:**

1. A phát âm là /ɑ:/ còn lại là /æ/
2. C phát âm là /əʊ/ còn lại là /aʊ/
3. B phát âm là /e/ còn lại là /æ/
4. A phát âm là /ɔ:/ còn lại là /aʊ/
5. A Phát âm là /ɑ:/ còn lại là /æ/

Vocabulary

Task 2. Complete each sentence with a suitable word from the box.

(Hoàn thành mỗi câu với một từ thích hợp từ trong khung.)

air	noise	soil	deforestation
-----	-------	------	---------------

1. is bad for our planet.
2. pollution can cause breathing problems for some people.
3. A plane engine can make a lot of noise, so the new airport will increase..... pollution here.
4. We can't plan any trees because the levels of..... pollution here are very high.

*** Suggested answer:**

1. deforestation

deforestation (n): phá rừng

2. air

air: không khí

- air pollution: ô nhiễm không khí

3. noise

noise (n): tiếng ồn

noise pollution: ô nhiễm tiếng ồn

4. soil

soil (n): đất

soil pollution: ô nhiễm nguồn đất

Tạm dịch:

1. Phá rừng không tốt cho hành tinh chúng ta.
2. Ô nhiễm không khí có thể gây ra những vấn đề về hô hấp cho vài người.
3. Một động cơ máy bay có thể gây ra nhiều tiếng ồn, vì thế sân bay mới sẽ làm tăng lượng ô nhiễm tiếng ồn ở đây.
4. Chúng ta không thể trồng bất kỳ cây nào bởi vì mức độ ô nhiễm đất ở đây rất cao.

Task 3. Choose the correct words. (Chọn từ đúng.)

1. I couldn't recognize/understand him in his uniform.

2. A robot *recycles/guards* their house every night.
3. Don't forget to *do/make* the bed before you go to school.
4. It's your turn to *make/do* the dishes, Nick!

*** Suggested answer:**

1. recognize
2. guards
3. make
4. do

Tạm dịch:

1. Tôi không thể nhận ra anh ấy trong bộ đồng phục.
2. Một người máy canh gác nhà của họ mỗi đêm.
3. Đừng quên dọn giường trước khi bạn đến trường.
4. Đến lượt bạn rửa chén đĩa rồi đó, Nick!

Grammar

Task 4. Complete the text using the verbs from the box and the correct form of will.

(Hoàn thành bài đọc, sử dụng những động từ có trong khung và dạng đúng của "will".)

be	not need	not be	bring	use
----	----------	--------	-------	-----

By the end of this century, we will have to explore the Moon to find important minerals. It (1) _____ dangerous for people so we (2) _____ robots instead of humans. It (3) _____ very expensive because robots (4) _____ money, food, air or water. They will only use solar energy. Robots will get minerals from the Moon and they (5) _____ them back to the Earth.

*** Suggested answer:**

- (1) will be
- (2) will use
- (3) will not/ won't be
- (4) will not/ won't need
- (5) will bring

Tạm dịch:

Vào cuối thế kỷ này, chúng ta sẽ phải khám phá ra Mặt trăng để tìm ra những khoáng chất quan trọng. Sẽ thật nguy hiểm cho con người vì thế chúng ta sẽ sử dụng người máy thay cho con người. Sẽ không quá đắt bởi vì người máy sẽ không cần tiền, thức ăn, không khí và nước. Chúng sẽ chỉ cần sử dụng năng lượng Mặt trời. Người máy sẽ lấy những khoáng chất từ Mặt trăng và chúng sẽ mang về Trái Đất.

Task 5. Write conditional sentences – type 1, using the suggested phrases in the box.

(Viết những câu điều kiện loại 1, sử dụng cụm từ được yêu cầu trong khung.)

Condition	Possible result
1. continue to pollute the air	- have breathing problems
2. prevent deforestation	- save a lot of materials
3. recycle more	- help animals and the planet

*** Suggested answer:**

1. If we continue to pollute the air, we will have breathing problems.

2. If we prevent deforestation, we will help animals and the planet.
3. If we recycle more, we will save a lot of materials.

Tạm dịch:

1. Nếu chúng ta tiếp tục làm ô nhiễm không khí, chúng ta sẽ gặp những vấn đề về hô hấp.
2. Nếu chúng ta ngăn chặn nạn phá rừng, chúng ta sẽ giúp động vật và hành tinh này.
3. Nếu chúng ta tái chế nhiều hơn, chúng ta sẽ tiết kiệm được nhiều nguyên liệu.

Task 6: Read e-mails from Nick and Phong. Fill each gap with might + the verb in brackets or will + the verb in brackets.

(Đọc email từ Nick và Phong. Điền vào mỗi chỗ trống với “might” + động từ trong ngoặc đơn hoặc “will + động từ” trong ngoặc đơn.)

*** Suggested answer:**

1. might meet
2. will leave
3. will go
4. might visit
5. might go

Tạm dịch:

Chào Phong,

Mình rất vui bởi vì hôm nay mình đã đoạt giải diễn giả cá nhân giỏi nhất. Mình sẽ đi ra ngoài vào tối thứ Bảy này, nhưng mình không chắc phải làm gì. Mình có lẽ sẽ đến rạp chiếu phim hoặc mình sẽ gặp vài người bạn ở quán cà phê. Một điều chắc chắn là mình sẽ về tới nhà lúc 10:30 tối. Bạn có muốn đi cùng mình không?

Nick.

Chào Nick,

Cảm ơn lời mời của bạn, nhưng mình bận vào cuối tuần này rồi. Gia đình mình sẽ đi Nghệ An. Chúng mình không chắc làm gì ở đó. Chúng mình có lẽ sẽ thăm nhà Bác Hồ hoặc đi bãi biển Cửa Lò - nó tùy thuộc vào thời tiết nữa. Chúng ta hãy gặp nhau vào cuối tuần nhé!

Phong.

Everyday English

Task 7. Match the sentences (1-3) to the responses (a-c).

(Nối các câu (1-3) với câu trả lời (a-c))

*** Suggested answer:**

- 1 - A
- 2 - C
- 3 - B

Tạm dịch:

1. Nếu chúng ta sử dụng túi tái sử dụng, chúng ta sẽ giúp ích cho môi trường. - Ồ, tôi hiểu rồi. Tôi sẽ mua vài túi tái sử dụng cho mẹ tôi.
2. Tôi đang vẽ ngôi nhà mơ ước. - Ồ, nó to quá!
3. Tôi nghĩ rằng trong tương lai chúng ta sẽ chế tạo được người máy làm được tất cả việc nhà. - Tôi không đồng ý với bạn. Nếu chúng ta làm tất cả công việc của chúng ta, chúng ta sẽ trở nên rất lười biếng.